

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 8 - 2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Hoa và bà Nguyễn Thị Tuyết Lan.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Huy Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Cao Kỳ Dương là Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lê Văn T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: tại số nhà 5/10, hẻm 5, đường số 1, xóm D, ấp 3, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971;

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: tại số nhà 5/10, hẻm 5, đường số 1, xóm D, ấp 3, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:**

Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống của hai người không đồng nhất, nhiều lần tìm cách giải quyết

mâu thuẫn nhưng không giải quyết được các mâu thuẫn nên bị đơn không còn sống chung với nguyên đơn.

Từ tháng 02 năm 2020 đến nay bị đơn không còn cư trú tại địa phương, đến ngày 24/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai tuyên bố bị đơn đã mất tích. Do vợ chồng không còn tình yêu, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

Vợ chồng có 01 con là Lê Thị Mỹ L1, sinh ngày 23/12/2011, con đang theo bị đơn sinh sống đến nay nên nguyên đơn đề nghị Tòa án quyết định để bị đơn nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: không có

** Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Toà án tổng đạt hợp L các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về Thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án, người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử vụ án, tổng đạt văn bản, xác minh, thu thập chứng cứ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Bị đơn mất tích, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ việc: Xét thấy hôn nhân của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L là hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bà dẫn con đi biệt tích, không có trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình, ngày 24/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tuyên bố bà L mất tích, mục đích của hôn nhân không đạt được. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị Tòa án Tuyên: ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị L. Về nuôi con ông T đề nghị giao cho bà L nuôi dưỡng. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú cuối cùng tại xã T, huyện V, tỉnh Đ. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp L đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng

mất các đương sự theo khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình chung sống giữa vợ và chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn khởi kiện về ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra từ nhiều năm qua nên không còn chăm lo cuộc sống của gia đình, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bị đơn đã sống ly thân biệt tích đến nay. Ngày 24/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 07/2020/QĐST-VDS về việc yêu cầu tuyên bố mất tích đối với bà Nguyễn Thị L.

Hành vi này của các đương sự đã vi phạm về nghĩa vụ giúp đỡ, sống chung giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn theo các Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Về con: có 01 con chung là Lê Thị Mỹ L1, sinh ngày 23/12/2011 đã theo bị đơn sinh sống đến nay nên nguyên đơn đề nghị để bị đơn được nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn là phù hợp Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Sau khi ly hôn bị đơn được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng không có yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: nguyên đơn ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn T được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị L.

- Về con: Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn đồng ý bị đơn bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng Lê Thị Mỹ L1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2011.

Sau khi ly hôn, nguyên đơn được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết, các đương sự không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0004931 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Phú;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại